TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ST** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 20-4-2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Anh Dũng

2. Ông Nguyễn Thanh Vương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Bim, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ST xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; địa chỉ trụ sở: Số 2 LH, phường TC, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông TVT – Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, là người đại diện theo pháp luật; ông ĐXL – Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố HG, thị trấn DL, huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC, ngày 27-12-2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

2. Bị đơn: Bà ĐRN, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Y H'L, sinh ngày 03-7-2002; cháu CĐNN, sinh ngày 02-01-2011; cùng địa chỉ: Thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; người đại diện hợp pháp của cháu Nữ, là bà ĐRN, mẹ đẻ của cháu Nữ.

Ông ĐXL có mặt; bà ĐRN, chị YRMH'L, cháu CĐNN vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 15-12-2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Ngày 14 tháng 01 năm 2016 bà ĐRN ký hợp đồng vay theo sổ vay vốn số QN No 0038825 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 10%/năm.

Ngày 10 tháng 01 năm 2017 bà ĐRN ký hợp đồng tín dụng số 4505LAV201700103 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, số tiền là 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11%/năm. Trong quá vay bà RN đã trả cho Ngân hàng 114.080.701 đồng (một trăm mười bốn triệu, không trăm tám mươi nghìn, bảy trăm lẻ một đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà ĐRN đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng và sổ vay vốn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu bà Nga trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà Nga cứ hứa mà không chịu trả.

Nay, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu bà ĐRN trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ của hai khoản vay tạm tính đến ngày 20-4-2021 là 303.952.325 đồng *(ba trăm lẻ ba triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng)*. Trong đó, khoản vay theo sổ vay vốn số QN No 0038825 là 154.127.778 đồng *(một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng)*, nợ gốc là 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*, nợ lãi trong hạn 42.388.889 đồng *(bốn mươi hai triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng)*, lãi quá hạn 11.738.889 đồng *(mười một triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng);* khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 4505LAV201700103 là 149.824.547 đồng *(một trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng)*, nợ gốc là 95.919.299 đông *(chín mươi lăm triệu, chín trăm mười chín nghìn, hai trăm chín mươi chín đông)*, nợ lãi trong hạn 40.054.027 đồng *(bốn mươi triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng)*, nợ lãi quá hạn 13.851.221 đồng *(mười ba triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng)* và yêu cầu bà RN tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21-4-2021 đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại sổ vay vốn và hợp đồng tín dụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Đinh Thị RN; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị YRMH'L và cháu CĐNN nhưng bà RN không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị YRMH'L và cháu CĐNN không có yêu cầu độc lập; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà ĐRN phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tổng số tiền tính đến hết ngày 20-4-2021 là 303.952.325 đồng *(ba trăm lẻ ba triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng)*. Trong đó, khoản vay theo sổ vay vốn số QN No 0038825 là 154.127.778 đồng *(một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng)*, nợ gốc là 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*, nợ lãi trong hạn 42.388.889 đồng *(bốn mươi hai triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng),* lãi quá hạn 11.738.889 đồng *(mười một triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng);* khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 4505LAV201700103 là 149.824.547 đồng *(một trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng)*, nợ gốc là 95.919.299 đông *(chín mươi lăm triệu, chín trăm mười chín nghìn, hai trăm chín mươi chín đông)*, nợ lãi trong hạn 40.054.027 đồng *(bốn mươi triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng)*, nợ lãi quá hạn 13.851.221 đồng *(mười ba triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng)* và yêu cầu bà RN tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21-4-2021 đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại sổ vay vốn và hợp đồng tín dụng.

Buộc bà ĐRN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi thì bà ĐRN đang cư trú tại thôn HE, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thì bà RN đã đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi biết theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân huyện ST thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các

tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Ngày 14 tháng 01 năm 2016 bà ĐRN ký hợp đồng vay theo sổ vay vốn số QN No 0038825 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, số tiền là 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 10%/năm; đến hạn trả nợ lãi vào ngày 14-01-2018; đến hạn trả nợ gốc cuối cùng ngày 14-01-2019.

Ngày 10 tháng 01 năm 2017 bà ĐRN ký hợp đồng tín dụng số 4505LAV201700103 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, số tiền là 210.000.000 đồng *(hai trăm mười triệu đồng)*, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11%/năm; đến hạn trả nợ lãi vào ngày 15-01-2019; đến hạn trả nợ gốc cuối cùng ngày 10-01-2022. Trong quá vay bà RN đã trả cho Ngân hàng 114.080.701 đồng *(một trăm mười bốn triệu, không trăm tám mươi nghìn, bảy trăm lẻ một đồng)*.

[2.2] Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay bà RN đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận trong sổ vay vốn và hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20-4-2021), bà ĐRN còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, tổng số tiền sổ vay vốn và hợp đồng tín dụng là 303.952.325 đồng *(ba trăm lẻ ba triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng)*. Trong đó, khoản vay theo sổ vay vốn số QN No 0038825 là 154.127.778 đồng *(một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng)*, nợ gốc là 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*, nợ lãi trong hạn 42.388.889 đồng *(bốn mươi hai triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng)*, lãi quá hạn 11.738.889 đồng *(mười một triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng);* khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 4505LAV201700103 là 149.824.547 đồng *(một trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng)*, nợ gốc là 95.919.299 đồng *(chín mươi lăm triệu, chín trăm mười chín nghìn, hai trăm chín mươi chín đông)*, nợ lãi trong hạn 40.054.027 đồng *(bốn mươi triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng)*, nợ lãi quá hạn 13.851.221 đồng *(mười ba triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng)*. Do đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà ĐRN phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên, đồng thời yêu cầu bà RN phải trả tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn và hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà ĐRN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 303.952.325đồng x 5% = 15.197.616đồng.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.326.933đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004997 ngày 28-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 186, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Buộc bà ĐRN phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20-4-2021) là 303.952.325 đồng *(ba trăm lẻ ba triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng)*. Trong đó, khoản vay theo sổ vay vốn số QN No 0038825 là 154.127.778 đồng *(một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng)*, nợ gốc là 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*, nợ lãi trong hạn 42.388.889 đồng *(bốn mươi hai triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng)*, lãi quá hạn 11.738.889 đồng *(mười một triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng);* khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 4505LAV201700103 là 149.824.547 đồng *(một trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng)*, nợ gốc là 95.919.299 đồng *(chín mươi lăm triệu, chín trăm mười chín nghìn, hai trăm chín mươi chín đông)*, nợ lãi trong hạn 40.054.027 đồng *(bốn mươi triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng)*, nợ lãi quá hạn 13.851.221 đồng *(mười ba triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng)* và bà RN tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21-4-2021 đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại sổ vay vốn số QN No 0038825 ngày 14-01-2016 và hợp đồng tín dụng số 4505LAV201700103 ngày 10-01-2017.

3. Về án phí:

Bà ĐRN phải chịu 15.197.616 đồng *(mười lăm triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm mười sáu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.326.933đồng (bảy triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004997 ngày 28-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện ST;
- Chi Cục THADS huyện ST;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Ánh Tuyết